

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM THUẬN BẮC
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2018/DS -ST

Ngày: 03-10-2018.

v/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC,
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa P tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Thông Văn Đá.

2/ Bà Trần Thị Hòa Xuân.

- Thư ký P tòa: Bà Lê Thị Phương Trinh – Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2018/TLST-DS ngày 13/6/2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST- DS ngày 05/9/2018, Quyết định hoãn P tòa số 38/2018/QĐST – DS ngày 17/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Trần Đình H, sinh năm 1974 (có mặt);

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1975 (có mặt);

Bị đơn: Bà Cao Thị N, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Người có quyền lợi và N vụ liên quan: Ông Trương Văn P, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn Q, thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại Đơn khởi kiện ngày 06/6/2018, bản tự khai và tại P tòa, nguyên đơn ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T trình bày:** Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 06/7/2015, bà Cao Thị N có đến nhà của vợ chồng ông H, bà T vay số tiền 50.000.000 đồng. Khi cho vay hai bên có lập giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền ngày

06/7/2015 do chính tay bà N viết và ký tên. Sau khi viết giấy, vợ chồng ông, bà giao đủ số tiền trên cho bà N. Theo nội dung giấy mượn tiền này, bà N vay của vợ chồng ông, bà số tiền 50.000.000 đồng, hẹn trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký giấy sẽ hoàn trả. Trong giấy mượn tiền không thể hiện việc thỏa thuận tiền lãi, tuy nhiên hai bên có thỏa thuận miệng với nhau mức lãi suất là 1%/tháng. Vợ chồng bà N cũng chưa trả tháng tiền lãi nào cho vợ chồng ông, bà. Ngày 20/7/2015, bà Cao Thị N vay thêm số tiền 20.000.000 đồng, lần vay này hai bên không lập giấy tờ gì, chỉ thỏa thuận miệng, vợ chồng ông, bà cũng giao đủ số tiền trên cho bà N. Cả hai lần vay chỉ có một mình bà N đến nhà vợ chồng ông, bà vay, không có mặt chồng bà N là ông Trương Văn P, ông P không có ký tên vào giấy mượn tiền, nhưng ông P cũng biết việc vay tiền này. Số tiền bà N vay của vợ chồng ông, bà dùng để mua bán thanh long sinh lợi cho gia đình bà N.

Do vợ chồng bà N không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền ngày 06/7/2015 nên vợ chồng ông H, bà T yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng bà Cao Thị N và ông Trương Văn P phải trả cho vợ chồng ông, bà số tiền gốc là 50.000.000 đồng, cùng với tiền lãi tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày xét xử là 03/10/2018 (26 tháng 27 ngày), mức lãi suất 0.83%/tháng. Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà vợ chồng ông, bà cho bà N vay không có giấy tờ, do không có chứng cứ gì chứng minh nên vợ chồng ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà của vợ chồng bà Cao Thị N và ông Trương Văn P để tổng đạt các văn bản tố tụng, bà N, ông P cố tình lần tránh, vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng như ghi lời khai, lập Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bà N, ông P theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại P tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay 50.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 06/7/2015. Bị đơn có địa chỉ và sinh sống ở thị trấn M, huyện H, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận.

[2]. Về tố tụng: Tại P tòa, bị đơn bà Cao Thị N và người có quyền lợi, N vụ liên quan ông Trương Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T yêu cầu vợ chồng bà Cao Thị N và ông Trương Văn P cùng có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông H, bà T số tiền 50.000.000 đồng, cùng với tiền lãi tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày xét xử là 03/10/2018 (26 tháng 27 ngày), mức lãi suất 0.83%/tháng. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 06/7/2015 là phía bị đơn bà Cao Thị N có vay của nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, theo nguyên đơn trình bày giấy mượn tiền này do bà Cao Thị N viết và ký tên, đến nay bà N chưa trả nợ. Do bị đơn bà Cao Thị N không đến Tòa án để tham dự P tòa, P họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ có liên quan đến giao dịch vay tiền của hai bên, Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của nguyên đơn, căn cứ hợp đồng vay tiền trên để xác định bị đơn bà Cao Thị N có vay tiền của nguyên đơn với số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, do bà N vi phạm N vụ thanh toán nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà Cao Thị N, ông Trương Văn P phải trả lãi tính từ ngày 06/7/2016 đến ngày xét xử là 03/10/2018 (26 tháng 27 ngày), mức lãi suất 0.83%/tháng. Xét, theo giấy mượn tiền ngày 06/7/2015 thì hai bên không có thỏa thuận lãi suất, nhưng do bị đơn vi phạm N vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm là ngày 06/7/2016 đến ngày xét xử, với lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới của ông Trương Văn P với số tiền nợ trên. Mặc dù, ông Trương Văn P không phải là người trực tiếp vay tiền, nhưng bà N và ông P là vợ chồng, đây là khoản vay trong thời kỳ hôn nhân nên căn cứ vào Điều 27; khoản 1 Điều 30; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông P phải có trách nhiệm trả nợ cùng bà N.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu bà N, ông P phải trả 20.000.000 đồng tiền nợ vay, cùng lãi phát sinh của số tiền này không có giấy tờ, mặc dù tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2018 nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng đến ngày 31/8/2018 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện và không trái với quy định của pháp luật, căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu của ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu buộc vợ chồng bà Cao Thị N và ông Trương Văn P phải trả số tiền nợ vay 20.000.000 đồng; nếu sau này ông H, bà T khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ông H, bà T không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

Từ những nhận định và phân tích như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Cao Thị N và ông Trương Văn P phải trả cho vợ chồng ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T số tiền nợ, cụ thể:

+ Tiền nợ gốc: 50.000.000 đồng.

+ Tiền nợ lãi được tính cụ thể như sau: 50.000.000đồng x 0.83%/tháng x 26 tháng 27 ngày = 11.163.500đồng.

Tổng cộng số tiền nợ buộc vợ chồng bà Cao Thị N và ông Trương Văn P phải trả cho vợ chồng ông Trần Đình H và bà Nguyễn Thị T là: 61.163.500đồng.

[4]. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc vợ chồng bà Cao Thị N và ông Trương Văn P phải chịu 61.163.500đồng X 5% = 3.058.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho vợ chồng ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 228; Khoản 2 Điều 244; Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 471; Điều 474; Điều 478 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 351, Điều 352; Điều 353; Điều 357; Điều 468; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27; khoản 1 Điều 30; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

Tuyên xử:

[1] .Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T. Buộc vợ chồng bà Cao Thị N, ông Trương Văn P trả cho vợ chồng ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T số tiền nợ là 61.163.500đồng (sáu mươi một triệu một trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng), trong đó gồm: tiền nợ gốc 50.000.000đồng và tiền nợ lãi 11.163.500đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được

thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2]. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu số tiền nợ vay 20.000.000đồng, cùng lãi phát sinh của số tiền này của ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng bà Cao Thị N và ông Trương Văn P phải chịu 3.058.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vợ chồng ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.362.500đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0015273 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

[4]. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đình H, bà Nguyễn Thị T có mặt tại P tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà Cao Thị N, ông Trương Văn P vắng mặt tại P tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai tại địa phương.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.
- Viện kiểm sát nhân dân huyện H.
- Thi hành án dân sự huyện H.
- Các đương sự.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Nguyễn Thị Tâm